

Bản án số: 45/ 2025/DS-ST
Ngày: 14/3/2025.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

2. Bà Lương Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 285/2024/TLST-DS ngày 15/10/2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M

Địa chỉ trụ sở: Số 91 Đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*** Người đại diện theo ủy quyền:** Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T.

*** Người đại diện theo ủy quyền lại:** Ông Nguyễn Phạm Thành N – sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: Phòng số 401, Tầng B, Tòa nhà số 793/49/1 Đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Dương Quốc B – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 7 Đường M, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M) là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:***

Ngày 16/6/2022, Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (sau đây gọi tắt là Công ty) có ký Hợp đồng tín dụng số 3274717 về việc cấp tín dụng cho ông Dương Quốc B với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định cho ông Dương Quốc B vào tài khoản cá nhân của ông Dương Quốc B. Theo hợp đồng tín dụng, ông Dương Quốc B có trách nhiệm thanh toán trả góp hàng tháng với số tiền là 2.027.478 đồng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/6/2024 cho Công ty.

Kể từ ngày giải ngân đến ngày 11/12/2022, ông Dương Quốc B mới chỉ thanh toán cho Công ty được 06 kỳ với số tiền 12.236.868 đồng. Sau đó, ông Dương Quốc B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty mặc dù ông Bảo đã được Công ty nhắc nợ nhiều lần.

Nay Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M yêu cầu Tòa án tuyên xử buộc ông Dương Quốc B phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 14/3/2025 là 61.766.685 đồng, trong đó: Tiền nợ gốc: 26.100.491 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn: 9.863.723 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 24.140.631 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 1.661.840 đồng.

Ông Dương Quốc B còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/3/2025 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

**** Theo bản tự khai, bị đơn là ông Dương Quốc B trình bày:***

Ngày 16/6/2022, ông có ký kết hợp đồng tín dụng số 3274717 để vay của Công ty Tài chính TNHH M số tiền là 31.980.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng thì ông đã nhận đủ số tiền vay.

Theo thỏa thuận giữa ông và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M thì hàng tháng ông phải thanh toán số tiền là 2.027.478 đồng, trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 10/7/2022. Ông thừa nhận đã thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền là 12.236.868 đồng, đến nay ông chưa thanh toán thêm cho nguyên đơn bất cứ khoản nợ nào.

Ông đồng ý thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 26.100.491 đồng. Đối với toàn bộ số tiền nợ lãi, ông thống nhất với cách tính lãi và số tiền lãi mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng đề nghị nguyên đơn xem xét miễn tiền lãi cho ông vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế của ông khó khăn, ông không có khả năng thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.***

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khởi kiện yêu cầu ông Dương Quốc B thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 3274717 ngày 16/6/2022 là 61.766.685 đồng, mục đích vay: tiêu dung cá nhân. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Dương Quốc B trả số tiền nợ gốc và lãi là 61.766.685 đồng (nợ gốc là 26.100.491 đồng, nợ lãi là 35.666.194 đồng):*

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác nhận: Ngày 16/6/2022, giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M và ông Dương Quốc B có ký kết Hợp đồng tín dụng số 3274717. Nội dung hợp đồng: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M cho ông Dương Quốc B vay số tiền 31.980.000 đồng; Thời hạn vay tối đa 24 tháng; Lãi suất 44%/năm; Trả góp gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng là 2.027.478 đồng, kể từ ngày 10/7/2022 đến ngày 10/6/2024.

Tính đến ngày 11/12/2022, ông Dương Quốc B đã thanh toán cho nguyên đơn được 06 kỳ với số tiền cả gốc và lãi là 12.236.868 đồng. Sau đó, ông Dương Quốc B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông Dương Quốc B không trả nợ đúng kỳ hạn theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng nêu trên, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Dương Quốc B phải thanh toán khoản nợ gốc 26.100.491 đồng là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận phía bị đơn cũng đồng ý trả nợ gốc theo

yêu cầu của phía Ngân hàng;

Đối với các khoản tiền lãi, theo bảng tính lãi của phía nguyên đơn cung cấp thì bị đơn còn nợ tổng số tiền lãi là 35.666.194 đồng, gồm: Tiền nợ lãi trong hạn: 9.863.723 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 24.140.631 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 1.661.840 đồng (tạm tính đến hết ngày 14/3/2025), bị đơn thừa nhận việc tính lãi của nguyên đơn là đúng với thỏa thuận trong hợp đồng nên đồng ý với số tiền lãi do phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng, do công việc gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ lãi, đề nghị phía nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi cho bị đơn, nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đây là hợp đồng vay có lãi và các bên đã thỏa thuận việc trả lãi cụ thể theo Hợp đồng tín dụng; Việc tính lãi suất cho vay theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với các bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Do đó, việc Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M yêu cầu bị đơn là ông Dương Quốc B phải trả các khoản tiền lãi nêu trên là có căn cứ, nên buộc ông Dương Quốc B phải thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ các khoản lãi là 35.666.194 đồng.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15/3/2025, ông Dương Quốc B còn phải tiếp tục trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3274717 ngày 16/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. *(Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).*

[3] *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Dương Quốc B có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% của tổng số tiền nợ (61.766.685 đồng), tính được là: 61.766.685 đồng x 5% = 3.088.334 đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.006.124 đồng theo biên lai thu số 0010289 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M. Cụ thể:

1. Buộc ông Dương Quốc B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M tổng số nợ tạm tính đến ngày 14/3/2025 là **61.766.685 đồng (Sáu mươi một triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi lăm đồng)**. Trong đó: Tiền nợ gốc: 26.100.491 đồng; Tiền nợ lãi trong hạn: 9.863.723 đồng; Tiền nợ lãi quá hạn: 24.140.631 đồng, tiền phạt chậm trả lãi: 1.661.840 đồng.

Kể từ ngày 15/3/2025, ông Dương Quốc B còn phải tiếp tục trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3274717 ngày 16/6/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Dương Quốc B có nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **3.088.334 đồng (Ba triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm ba mươi tư đồng)**.

Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.006.124 đồng theo biên lai thu số 0010289 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú